

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 10 - 2021

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Vũ.

2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 25 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST - HNGĐ ngày 07/7/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị S, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn A, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chị S vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn A, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2021, bản tự khai ngày 07/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị S trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 28/10/2009. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đỗ Văn T không tu chí làm ăn, mà chơi bời lêu đẽ và cờ bạc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xúc phạm nhau, hai bên gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không sửa

chữa được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Minh H, sinh ngày 02/6/2010 và cháu Đỗ Văn C sinh ngày 25/01/2016; Ly hôn chị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ anh Đỗ Văn T nhiều lần đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa nhưng anh T không đến nên không có bản khai, không có ý kiến của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Văn T đã được thông báo hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng anh T không đến để tham gia phiên hòa giải, chị S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Lê Thị S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị S và anh T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, đến đầu năm 2021 vợ chồng đã ly thân nhau việc này đã được cấp chính quyền địa phương xác nhận, theo hồ sơ vụ án trước khi khởi kiện ly hôn, chị S đã một lần làm đơn xin ly hôn anh T nhưng sau đó rút đơn khởi kiện. Mặc dù Tòa án đã thông báo tiến hành phiên hòa giải và 02 lần mở phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh T cũng không thiết tha, níu kéo hôn nhân; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị S được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị S khai nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Minh H, sinh ngày 02/6/2010 và cháu Đỗ Văn C sinh ngày 25/01/2016, chị S xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Đỗ Minh H và cháu Đỗ Văn C có ghi họ tên mẹ là chị Lê Thị S, họ tên bố là anh Đỗ Văn T; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu Đỗ Minh H và cháu Đỗ Văn C là con chung của chị S và anh T. Hiện cháu H đã hơn 07 tuổi, cháu H có nguyện vọng ở với chị S, hiện hai con chung đang ở với chị S, nên chấp nhận yêu cầu của chị S, giao 02 con chung cho

chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) là phù hợp.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của anh T đối với phần tài sản, công nợ giữa anh T và chị S nếu có sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Chị S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh T phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị S được ly hôn anh Đỗ Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Minh H sinh ngày 02/6/2010 và Đỗ Văn C sinh ngày 25/01/2016 cho chị Lê Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị S mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2021 cho đến khi cháu H, cháu C đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2019/0000005 ngày 06/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị S đã nộp đủ án phí. Buộc anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị S, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

